

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/DS-ST

Ngày: 15-6-2020.

“V/v tranh chấp bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng do sức khỏe
và tài sản bị xâm phạm”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Nguyễn Phát Triển.

2. Ông: Đặng Văn Hai.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Cao Diễm - Cán bộ Tòa
án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp - Bà Lê
Thị Bích Thuyền - Kiểm sát viên.*

Ngày 09 và 15 tháng 6 năm 2020 tại phòng xử án ở trụ sở Tòa án nhân dân
huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân
sự thụ lý số: 28/2020/TLST-DS, ngày 13 tháng 01 năm 2020, “V/v tranh chấp bồi
thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe và tài sản bị xâm phạm”. Theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐST-DS, ngày 21/5/2020, giữa các đương
sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu B, sinh năm: 1959; Ông Lê Văn T, sinh năm:
1954; Cùng địa chỉ: ấp Hưng Lợi T, xã Long Hưng , huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.
(có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm: 1974; Địa chỉ: ấp Tân K, xã Tân T,
huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Chị Lê Thị Phương T, sinh năm: 1994; Địa chỉ: ấp Hưng Lợi T, xã Long

H, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3.2. Ông Lê Văn L, sinh năm: 1970; Địa chỉ: ấp Hưng Lợi Đ, xã Long H, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3.3. Bà Nguyễn Thị Xuân N, sinh năm: 1978; Địa chỉ: ấp Tân K, xã Tân T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Phạm Thanh P, sinh năm: 1972; Địa chỉ: ấp Hưng Lợi, xã Long H, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

4.2. Nguyễn Hoàng S, sinh năm: 1990; Địa chỉ: ấp Tân Kh, xã Th, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

NHẬN THẤY:

* Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Văn Thật, Lê Thị Thu B trình bày:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 13/7/2019 khi bà B đi mở nước đến cây cầu của gia đình bà B bắt qua sông thì bà Ba thấy cái bảng ghi “Cấm những gia đình thừa kiện không đi” bị gỡ bỏ xuống giữa cầu, lúc đó có người điều khiển xe máy hướng từ nhà ông H đến nhà bà B thì dừng ở dốc cầu thì bà B mới hỏi nhưng không thấy trả lời mà cho xe chạy tông thẳng vào người bà B khi đó bà B mới biết là ông Trần Văn L, bà B nói “L mày cũng có thái độ vậy sao” thì ông L không trả lời mà tiếp tục điều khiển xe tông thẳng vào người bà B ngay giữa cầu thì bà B mới dùng tay đỡ vào đầu xe của ông L và hô lớn “ông ơi tiếp tôi” ông T chồng bà B trong nhà chạy ra nắm đuôi xe ông L kéo xe ông L lại và nói “Chuyện đâu còn có đó chú L có biết chuyện cầu đường gì không”, bà B nói “Nếu như ông L có thái độ như vậy thì đừng đi đường này nữa” thì lúc này ông L điều khiển xe tông mạnh vào người bà B khiến bà B ngã xuống mé sông và xe ông L cũng văng theo bà B xe nằm trên mé bờ dal, lúc đó ông L đánh ông T ngã xuống sông, bà B sợ chồng bà chết nên hô lớn thì có ông P và ông M đến ông P kéo ông T lên, ông Mười thì rọi đèn bà B tự bò lên, vợ chồng bà B được ông Phong và ông Mười kè về nhà và đưa đến Trung tâm y tế huyện Lai Vung để cấp cứu vì máu ở mặt ra nhiều, ông T nằm điều trị tại Trung tâm y tế huyện Lai Vung 03 ngày thì chuyển đi bệnh viện Sa Đéc nằm thêm 03 ngày nữa. Trong thời gian nằm điều trị tại bệnh viện Lê Thị Phương T chăm sóc nuôi bệnh là 3 ngày, Lê Văn L chăm sóc nuôi bệnh là 3 ngày, số tiền này ông Thật, bà Ba đã trả, giải quyết xong với T và L nên yêu cầu Long bồi thường số tiền này.

Khi khởi kiện ông T và bà B yêu cầu bồi thường tổng cộng là 144.316.000 đồng nhưng tại phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa chỉ yêu cầu ông Trần Văn L bồi thường tổng cộng là 25.252.000 đồng. Ngoài ra không trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

Ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn L bồi thường cho bà Lê Thị Thu B, ông Lê Văn T toàn bộ chi phí điều trị thương tích (tiền điều trị, tiền thuốc, ...) tại Trung tâm y tế huyện Lai Vung của bà B là 274.709 đồng, ông T là 621.560 đồng tổng cộng 896.269 đồng; Tiền thu nhập thực tế bị mất 150.000 đồng/01 ngày x 09 ngày (ông Thật 06 ngày, bà Ba 03 ngày) = 1.350.000 đồng; Tiền công lao động của người chăm sóc 6 ngày x 150.000 đồng = 900.000 đồng; Tiền tổn thất về tinh thần mỗi người là 7 tháng lương cơ sở x 1.490.000 đồng = 10.430.000 đồng x 2 = 20.860.000 đồng; Mất kính của ông T bị mất là 400.000 đồng. Tổng cộng 25.252.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Văn L và Yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Xuân N thì phía nguyên đơn không đồng ý vì lỗi hoàn toàn của ông L, thương tích của ông L không phải do nguyên đơn gây ra nên không đồng ý bồi thường, ông L tự tông xe ngã bể bưng xe nên không đồng ý bồi thường.

Ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B có đơn yêu cầu xem xét miễn tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định pháp luật.

* Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn Trần Văn L trình bày:

Vào khoảng 20 giờ ngày 13/7/2019 trên đường về nhà ông L chạy ngang qua cầu được xây trên phần đất của bà B (Dì 3), bà Ba có hỏi “Mày là ai”, ông L trả lời “Con là Long nè Dì B”, bà Ba hỏi “Bọn nào tháo dỡ bảng của tao?”, ông L trả lời “Tôi không biết” thì bà B nói “Tao không cho mày qua cầu”, ông L nói “Cầu này cầu chung, cầu tập thể mà”, bà B vẫn không cho ông L qua cầu, ông L nói “Dì B không tránh ra tôi đụng gán chịu” thì bà B định cổ xe ông L lại rồi kêu ông T (chồng Dì B) ra tiếp, lời qua tiếng lại thì ông T dùng tay đánh vào vùng mặt của ông L, làm bầm mắt của ông L, ông L gạt tay ông Thật ra thì ông T té xuống mương, sau đó bà B xô xe ông L ngã, xe do vợ tôi đứng tên, sau khi sự việc xảy ra thì ông L chạy xe về nhà thấy mắt bị đau nhức nên đến bệnh viện đa khoa Lai Vung khám, xe bị nứt bưng vợ ông L là Nguyễn Thị Xuân N đem xe đi sửa thay bưng mới.

Theo Đơn yêu cầu phản tố ông Trần Văn L yêu cầu bà Lê Thị Thu B, ông Lê Văn T bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm và tài sản bao gồm: Tiền chi phí khám điều trị là 214.234 đồng; Thu nhập thực tế bị mất trong thời gian điều trị

bệnh một ngày công là 150.000 đồng. Tổng cộng là 364.234 đồng. Tại phiên Tòa ông Trần Văn L thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B bồi thường thu nhập thực tế bị mất trong thời gian điều trị bệnh 01 ngày là 150.000 đồng.

Theo yêu cầu của ông Lê Văn T và Lê Thị Thu B thì ông Trần Văn L đồng ý bồi thường tiền điều trị thương tích của ông Lê Văn T là 621.560 đồng, đồng ý bồi thường tiền mất kính là 400.000 đồng. Ngoài ra tất cả các yêu cầu khác của nguyên đơn thì ông Trần Văn L không đồng ý vì lỗi là do bà Ba cản trở, chặn xe không cho ông L qua cầu, ông T đánh ông L trước. Ngoài ra không trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

* Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thị Phương T trình bày:

Trong thời gian bà Lê Thị Thu B và ông Lê Văn T điều trị thương tích tại Trung tâm y tế huyện Lai Vung, chị Trang chăm sóc, nuôi bệnh ông T, bà B là 03 ngày, sau khi xuất viện ông T, bà B đã thỏa thuận, trả tiền công nuôi bệnh cho chị T 450.000 đồng, chị T đã nhận và không yêu cầu gì trong vụ án này.

* Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Văn L trình bày:

Trong thời gian ông Lê Văn T điều trị thương tích tại Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc, anh L chăm sóc, nuôi bệnh ông T là 03 ngày, sau khi xuất viện ông T đã thỏa thuận, trả tiền công nuôi bệnh cho anh L 450.000 đồng, anh L đã nhận và không yêu cầu gì trong vụ án này.

* Người làm chứng ông Phạm Thanh Pg trình bày: Vào khoảng hơn 20 giờ ngày 13/7/2019 nghe tiếng bà B la ồn ào nên ông P trong nhà ra xem, thấy ông L, bà B đứng tại dốc cầu; Ông P và một người lạ đỡ xe của ông L lên, ông T đứng mé mương nên ông P, ông Mười dẫn ông T về nhà, sau đó chở ông T, bà B đến Trung tâm y tế huyện Lai điều trị thương tích. Trong quá trình xảy ra vụ việc thì ông Phong không có chứng kiến, đồng thời trời tối không có đèn chiếu sáng nên nhìn không thấy rõ.

* Người làm chứng anh Nguyễn Hoàng S trình bày: Vào ngày xảy ra vụ việc anh S đến nhà cha mẹ vợ của ông L chơi vào khoảng 17 giờ, sau đó ông L chạy xe về trước, khoảng 10 phút sau anh Sơn chạy xe về sau, lúc đó khoảng hơn 20 giờ, khi chạy đến gần cầu nhà bà B nghe la chửi anh S không biết chuyện gì và cũng không thấy ai vì trời tối, không có ánh sáng của đèn. Anh S dựng xe bên đầu cầu đi qua

đầu cầu bên kia thấy xe của ông L ngã tại dốc cầu, anh S với một người nữa đỡ xe của ông L lên lúc này cũng chỉ nghe tiếng chửi, la của bà B chứ không nhìn thấy rõ mặt bà B, sau đó thấy ông T và vài người lạ anh S không biết. Anh S kêu ông Long về và anh S lấy xe chở vợ con về cùng với ông L, khi về đến nhà ông L bị Sung vùng mắt nên anh S chở ông Long đi bệnh viện đa khoa Lai Vung điều trị. Khi ông L trong nhà cha mẹ vợ của ông L về thì không có thương tích gì, anh S cùng về chung với ông L về đến nhà thì phát hiện mắt của ông Long bị sung nhưng thương tích của ông L do ai gây ra anh S không biết.

Khi vụ việc xảy ra anh S hoàn toàn không thấy, không biết, khi anh S đến vụ việc đã xong, anh S không biết vụ việc xảy ra như thế nào và cũng không có đánh hay chửi ai.

Anh S xin từ chối tham gia và xin vắng mặt tại các phiên xét xử của Tòa án vì bận công việc nên không đến Tòa án được. Anh S không liên quan gì trong vụ án này.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Lê Văn Tt, Lê Thị Thu B; Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn; Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn L bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tài sản, ông Trần Văn L có yêu cầu phản tố, Nguyễn Thị Xuân N có đơn yêu cầu độc lập, đây là vụ án tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe và tài sản bị xâm phạm. Bị đơn cư trú tại xã TH, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B cho rằng thương tích của ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B là do ông Trần Văn Long gây ra ngày 13/7/2019, bị đơn ông Trần Văn L thừa nhận đã dùng tay gạt nhưng không biết trúng vào chỗ nào trên cơ thể ông Lê Văn T làm ông Lê Văn T té xuống đường bị đa tổn thương phần mềm là do ông Lê Văn T đánh ông Trần Văn L trước nên ông L dùng tay gạt trúng ông T té xuống đường gây thương tích cho ông Lê Văn T, còn bà Lê Thị Thu B cản trở không cho ông Trần Văn L qua cầu nên vụ việc mới xảy ra. Ông Lê Văn T không thừa nhận đánh ông L, bà Lê Thị Thu B không thừa nhận cản trở xe không cho ông Trần Văn L đi qua cầu, không có xô xe của ông Trần Văn L. Xét thấy khi sự việc xảy ra chỉ có 03 người và trong đêm tối không ai thấy chứng kiến nên không có tài liệu chứng cứ hay ai thấy ai biết để chứng minh cho lời trình bày của các đương sự nhưng thực tế diễn biến vụ việc về thời gian, thương tích, quá trình điều trị thương tích tại Trung tâm y tế huyện Lai Vung vào đêm ngày 13/7/2019 ông T, bà B sau khi được đưa vào Trung tâm y tế thì thấy ông L có mặt tại Trung tâm y tế để điều trị thương tích, theo Biên bản giải quyết về lĩnh vực ANTT ngày 31/7/2019, Biên bản thỏa thuận ngày 07/8/2019 do Công an xã Long H lập cũng như thừa nhận của ông Trần Văn L cùng lời khai của những người làm chứng, chứng minh thiệt hại thực tế đã xảy ra, mối quan hệ nhân quả hành vi và hậu quả xác định trong đêm tối ông T, bà B cản trở ông L lưu thông qua cầu, thương tích, thiệt hại tài sản của ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B là do ông Trần Văn L gây ra, thương tích của ông Trần Văn L là do ông T gây ra cho nên các đương sự trong vụ án đều có lỗi và phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần lỗi của mình.

Ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B yêu cầu ông Trần Văn L bồi thường thiệt hại do sức khỏe và tài bị xâm phạm gồm tiền điều trị thương tích tại Trung tâm y tế huyện Lai Vung từ ngày 13/7/2019 đến ngày 15/7/2019, tiền điều trị của bà B là 274.709 đồng, ông T là 621.560 đồng. Ông T điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc 03 ngày từ ngày 17/7/2019 đến ngày 19/7/2019 thì xuất viện. Ông Lê Văn T yêu cầu bồi thường chi phí điều trị tại Trung tâm y tế huyện Lai Vung là 621.560 đồng, ông Trần Văn L thống nhất bồi thường sự thỏa thuận nay là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đối với bà Lê Thị Thu B yêu cầu ông Trần Văn L bồi thường chi phí điều trị thương tích 274.709 đồng yêu cầu này là có căn cứ nhưng cần xem xét bồi thường tương ứng mức độ lỗi của các bên (hai bên đều có lỗi) nên buộc ông Trần Văn L bồi thường cho bà Lê Thị Thu B 137.354 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B yêu cầu bồi thường tiền thu nhập thực tế bị mất là 150.000 đồng/01 ngày x 9 ngày = 1.350.000 đồng (09 ngày điều trị thương tích, thu nhập thực tế bị mất do không lao động được). Yêu cầu này của ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B không được ông Trần Văn L chấp nhận. Xét yêu cầu của ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B về việc bồi thường tiền thu nhập thực tế bị mất 01 ngày là 150.000 đồng là phù hợp tiền công lao động tại địa phương, các đương sự thừa nhận, thống nhất lao động bình quân ở địa phương là 150.000 đồng nên có cơ sở chấp nhận, nhưng phải xem xét tương ứng mức độ lỗi của các đương sự (hai bên đều có lỗi) nên Hội đồng xét xử buộc ông Trần Văn L bồi thường cho ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B tiền thu nhập thực tế bị mất là 4,5 ngày điều trị thương tích phù hợp thực tế thương tích do ông Trần Văn L gây ra là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Yêu cầu bồi thường tiền tổn thất ngày công lao động của người nuôi bệnh, chăm sóc cho ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B là chị Lê Thị Phương T, anh Lê Văn L do ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B đã trả cho chị T, anh L. Số tiền này ông Trần Văn L không đồng ý bồi thường nhưng xét yêu cầu của ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B là có căn cứ, thực tế chị T, anh L nuôi bệnh ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B 06 ngày và ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B đã trả cho chị T, anh L nên ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B yêu cầu ông Trần Văn L bồi thường cho ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B số tiền này là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận nhưng xem xét tương ứng mức độ lỗi của các đương sự (hai bên đều có lỗi), buộc ông Trần Văn L phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B tiền tổn thất ngày công lao động của người nuôi bệnh là 450.000 đồng.

Ông Lê Văn T bà Lê Thị Thu B yêu cầu ông Trần Văn L bồi thường tiền tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là 140.000.000 đồng (50 tháng lương cơ sở theo quy định của nhà nước x 1.400.000 đồng). Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B điều chỉnh lại yêu cầu bồi thường cho mỗi người là 07 tháng lương cơ sở theo quy định nhà nước là 1.490.000 đồng x 7 x 2 = 20.860.000 đồng. Ông Trần Văn L không đồng ý bồi thường là không có cơ sở vì thực tế thương tích của ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B là do ông Trần Văn L gây ra, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B tuổi đã cao phải điều trị thương tích bị tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tinh thần bị xâm phạm, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B bị tổn thất do phải chịu đau đớn về thương tích do ông Trần Văn L gây ra ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường của ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B nhưng cần điều chỉnh số tiền bù đắp tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm phù hợp với mức

độ ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B bị tổn thất tinh thần do thương tích ông Trần Văn L gây ra mỗi người là 01 tháng lương cơ sở theo quy định nhà nước nhưng phải xem xét tương ứng mức độ lỗi của các đương sự (hai bên đều có lỗi) nên buộc ông Trần Văn L phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B tiền tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là $1.490.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 2.980.000 \text{ đồng}$: $2 = 1.490.000 \text{ đồng}$ là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Ông Lê Văn T yêu cầu bồi thường mất kính bị mất là 400.000 đồng, ông Trần Văn L thống nhất bồi thường sự thỏa thuận nay là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Ông Trần Văn L yêu ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B bồi thường tiền thu nhập thực tế bị mất là có căn cứ chấp nhận nhưng phải xem xét tương ứng mức độ lỗi của các đương sự (hai bên đều có lỗi) nên buộc ông T, bà B bồi thường cho ông Trần Văn L là $150.000 \text{ đồng}/01 \text{ ngày} : 2 = 75.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa ông Trần Văn L không yêu cầu giải quyết bồi thường đối với tiền chi phí khám điều trị là 214.234 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trong lúc xảy ra vụ việc ngày 13/7/2019 xe của bà Nguyễn Thị Xuân N bị nứt bửng, bà N đã xuất tiền sửa chữa là 340.000 đồng, bà N không yêu cầu ông Lg bồi thường chỉ yêu cầu bà Lê Thị Thu B nhưng xét thấy xe bị nứt bửng, thiệt hại thực tế có xảy ra, trong vụ án này xác định lỗi là của cả hai bên đương sự nhưng bà N không yêu cầu ông L bồi thường mà yêu cầu bà B bồi thường xét yêu cầu này có căn cứ nên chấp nhận một phần yêu cầu buộc bà Lê Thị Thu B bồi thường thiệt hại tài sản cho bà Nguyễn Thị Xuân N là 170.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B được Tòa án chấp nhận một phần nên ông Trần Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B được Tòa án chấp nhận và ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B không phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận vì thuộc trường hợp được miễn án phí; Ông L phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận; Bà N phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận là có căn cứ, phù hợp với phù hợp với điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 588, Điều 590 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 92; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d, đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B.

Công nhận sự thỏa thuận của Trần Văn L tự nguyện bồi thường tiền điều trị thương tích của ông Lê Văn T là 621.506 đồng và bồi thường tài sản bị thiệt hại mất kính bị mất là 400.000 đồng.

Buộc ông Trần Văn L bồi thường cho ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu a tiền điều trị thương tích của bà B là 137.354 đồng; Tiền thu nhập thực tế bị mất 675.000 đồng; Tiền thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc 450.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là 1.490.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Văn L. Buộc ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B bồi thường tiền thu nhập thực tế bị mất của ông Trần Văn L là 75.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Xuân N. Buộc bà Lê Thị Thu B bồi thường tiền sửa chữa thay bằng xe là 170.000 đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

5. Về tiền án phí:

Ông Trần Văn L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Xuân N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0000091, ngày 28/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Bà N đã nộp xong.

Ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu B được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 15/6/2020. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L; bà Lê Thị Phương T vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Huyền